TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS - ST
Ngày: 15 - 01 - 2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Ngọc Lợi
2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2019/TLST - DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2020/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Hoa Đ, sinh năm: 1990 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
2. Bị đơn: Bà Phan Bích L, sinh năm: 1995 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp V1, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Tưởng Toàn M, sinh năm: 1992 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp V1, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Hoa Đ là nguyên đơn trình bày:

Bà và bà L là chị em bạn dâu nên hai bên tin rất tưởng lẫn nhau. Trong năm 2018, bà cho bà L vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau: Lần 01: Ngày 05/3/2018, cho vay số tiền là 100.000.000 đồng; lần 02: Ngày 17/3/2018, cho vay số tiền là 80.000.000 đồng; lần 03: Ngày 13/4/2018, cho vay số tiền là 50.000.000 đồng; lần 04: Ngày 16/4/2018, cho vay số tiền là 100.000.000 đồng; lần 05: Ngày 19/4/2018, cho vay số tiền là 30.000.000 đồng; lần 06: Ngày 09/8/2018, cho vay số tiền là 225.000.000 đồng; lần 07: Ngày 18/9/2018, cho vay số tiền là 60.000.000 đồng. Tổng cộng bà L nợ bà số tiền là 645.000.000 đồng.

Hợp đồng vay tài sản hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói và tự ghi vào sổ để theo dõi; tiền lãi thỏa thuận các lần vay là 04%/ tháng; không xác định thời gian trả nợ, chỉ thỏa thuận khi nào cần bà sẽ báo trước một thời gian hợp lý để bà L thanh toán nợ. Về ngày giao dịch đều là ngày âm lịch; việc vay tiền do bà và bà L trực tiếp giao dịch với nhau, chồng bà L là ông M không tham gia.

Sau đó, bà gặp bà L vài lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng bà L chỉ hứa hẹn trả dần nhưng không thực hiện. Kể từ năm 2019 cho đến nay, bà L đi làm thuê không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú và chưa thanh toán nợ (tiền vốn và tiền lãi) được phần nào cho bà.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà L phải trả cho bà số tiền vay vốn còn nợ tổng cộng là 645.000.000 đồng và trả tiền lãi theo quy định của pháp luật là 10%/ năm, kể từ ngày 18/9/2018 (âm lịch) cho đến ngày xét xử. Bà không yêu cầu ông M phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ.

Trường hợp, bà L thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho bà trong thời gian sớm nhất, bà sẽ xem xét không tính tiền lãi theo đề nghị của bà L. Nếu bà L trả dần khoản nợ nêu trên, bà đồng ý để bà L trả dần hàng năm, mỗi năm trả là 150.000.000 đồng, trả cho đến khi dứt nợ.

Bà Phan Bích L là bị đơn trình bày:

Bà thừa nhận lời trình bày của bà Đ về các thỏa thuận đối với hợp đồng vay tài sản giữa hai bên là đúng. Mục đích bà vay tiền của bà Đ để kinh doanh hàng Online nhưng thua lỗ và hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng bà đi làm thuê chưa có khả năng thanh toán nợ cho bà Đ; việc vay tiền do bà và bà Đ giao dịch với nhau

không liên quan đến chồng bà là ông M.

Đối với yêu cầu của bà Đ, bà có ý kiến như sau: Bà thừa nhận có vay tiền của bà Đ 07 lần, tổng cộng số tiền còn nợ là 645.000.000 đồng, bà đề nghị được trả dần tiền vay vốn, trả hàng năm, mỗi năm trả là 50.000.000 đồng, trả cho đến khi dứt nợ; về tiền lãi bà đề nghị bà Đ xem xét về hoàn cảnh khó khăn không yêu cầu bà trả tiền lãi.

Ông Tưởng Toàn M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Về hợp đồng vay tài sản giữa vợ ông là bà L với bà Đ, ông không biết và không có tham gia. Ông sẽ đi làm thuê kiếm tiền hỗ trợ cho bà L để thanh toán nợ cho bà Đ. Ông thống nhất theo phương án trả nợ và đề nghị của bà L đối với bà Đ, ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và của các đương sự đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà L thừa nhận còn nợ bà Đ số tiền vay tổng cộng là 645.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định hai bên có xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau là sự thật. Tuy nhiên, hai bên không thỏa thuận được với nhau về phương thức, thời gian trả nợ; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L đề nghị được trả dần khoản nợ nêu trên, mỗi năm trả là 50.000.000 đồng nhưng không được bà Đ chấp nhận. Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự, đề nghị buộc bà L phải trả cho bà Đ tiền vay vốn là 645.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu về tiền lãi: Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên có thỏa thuận tiền lãi, việc thỏa thuận tiền lãi giữa hai bên là cao so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản bà L thừa nhận chưa thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận cho bà Đ. Bà L đề nghị bà Đ xem xét không tính tiền lãi nhưng không được bà Đ chấp nhận. Do đó, việc bà Đ yêu cầu bà L phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật là 10%/ năm là phù hợp theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà L phải trả tiền lãi là 10%/ năm, kể từ ngày 18/9/2018 (âm lịch) cho đến ngày xét xử.

Bà Đ không yêu cầu ông M (chồng bà L) phải có trách nhiệm liên đới trả nợ, đề nghị không xét.

Về án phí: Đề nghị hoàn trả cho bà Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp và buộc bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Huỳnh Hoa Đ khởi kiện yêu cầu bà Phan Bích L phải trả tiền vay còn nợ, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Phan Bích L là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đ và bà L thống nhất xác định: Từ tháng 3 đến tháng 9/2018, bà Đ cho bà L vay tiền nhiều lần, lần cuối cùng cho vay là ngày 18/9/2018 (âm lịch) và bà L nợ bà Đ số tiền tổng cộng là 645.000.000 đồng; hợp đồng vay tài sản do bà Đ và bà L trực tiếp giao dịch không liên quan đến ông M (chồng của bà L). Vì vậy, có căn cứ xác định hai bên có xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau là sự thật.

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, các bên phải thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận và phải phù hợp với quy định của pháp luật; việc bà L thừa nhận, đồng ý trả nợ và đề nghị được trả dần mỗi năm là 50.000.000 đồng nhưng không được bà Đ chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà Đ số tiền vay vốn còn nợ là 645.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu và đề nghị về tiền lãi: Bà Đ và bà L thừa nhận hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận trả tiền lãi, việc bà L đề nghị bà Đ xem xét không tính tiền lãi nhưng không được bà Đ chấp nhận. Cho nên, việc bà Đ yêu cầu bà L phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật là 10%/ năm, kể từ ngày 18/9/2018 (âm lịch) tức là ngày 26/10/2018 (dương lịch) cho đến ngày xét xử, tương ứng với khoản tiền còn nợ là 645.000.000 đồng là phù hợp theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Tiền lãi từ ngày 26/10/2018 đến ngày 15/01/2021 là 813 ngày, cụ thể như sau: 645.000.000 đồng x 10% x 813 ngày/ 365 = 143.667.123 đồng, tính tròn 143.667.000 đồng.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà Đ số tiền vay vốn còn nợ là 645.000.000 đồng và tiền lãi là 143.667.000 đồng, tổng cộng là 788.667.000 đồng.

Việc bà L nêu lên hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản để thực hiện nghĩa vụ sẽ được xem xét khi thi hành án.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho bà Đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 14.900.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007987 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 20.000. 000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng (388.667.000 đồng x 4% = 15.546.680 đồng, tính tròn là 15.547.000 đồng) = 35.547.000 đồng.

[4]. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Hoa Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Phan Bích L. Buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà Đ số tiền vay vốn còn nợ là 645.000.000 đồng (sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 143.667.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), tổng cộng là 788.667.000 đồng (bảy trăm tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Hoàn trả cho bà Huỳnh Hoa Đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 14.900.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007987 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bà Phan Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.547.000 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 15/01/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
- VKSND huyện G;
- Thi hành án huyện G;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Thanh Phát